

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÔN ĐẢO  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-11-2021  
V/v: Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Lan

Bà Bùi Thị Tuyết Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm: 1974 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Thế T, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:*

*Về hôn nhân:* Bà và ông Đặng Thế T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vũng Tàu. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến ngày 15-12-2009 ông bà đã ly hôn theo Bản án số 02/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo. Hai người ly hôn cho đến năm 2011 thì vợ chồng trở lại chung sống với nhau có 01 con chung, đến năm 2017 bà và ông T đăng ký kết hôn lần 2 tại Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sau khi trở lại chung sống, cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần tha thứ và tạo điều kiện để ông T sửa chữa lỗi lầm nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã với nhau, gây ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các con. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, nếu tiếp tục miễn cưỡng chung sống sẽ không hạnh phúc, vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

*Về con chung:* Bà và ông Thiết có 01 người con chung là Đặng Lê Phúc Nguyên, sinh ngày 09-8-2011, hiện con đang ở với bà. Nay, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. *Bị đơn ông Đặng Thế T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng ông T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

3. *Tại biên bản lấy lời khai cháu Đặng Lê Phúc N trình bày: Hiện cháu N đang sống cùng với bà S, nay cha mẹ ly hôn, cháu N có nguyện vọng được ở với bà S.*

4. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét lời trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Côn Đảo nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung giải quyết vụ án:**

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà S và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 23.2017 ngày 28-6-2017 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã từng ly hôn vào năm 2009. Đến năm 2011 vợ chồng trở lại chung sống với nhau nhưng vẫn không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên bất hòa với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho ông bà ly hôn là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Ông T không tham gia vào quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng ông T tự từ bỏ quyền lợi của

mình về con chung. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà S, giao con chung là Đặng Lê Phúc N, sinh ngày 09-8-2011 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời, bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà S xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà S phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị S được ly hôn với ông Đặng Thế T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đặng Lê Phúc N, sinh ngày 09-8-2011 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, bà S không yêu cầu ông Thiết cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà S và ông T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông Thiết có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi

người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị S phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007847 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Đặng Thế T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- UBND huyện Côn Đảo;
- (GCNKH số 23.2017 ngày 28-6-2017)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Dung**

